

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày 08 tháng 7 năm 2020
“Về việc: Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Hoan

2. Bà Ngô Thị Thời

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXX-DSST ngày 22/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/QĐST-DS ngày 09/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ: khu dân cư V, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phạm Đình V, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố A phường Lam Sơn, thị xã Bím Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(Ông B, bà H, anh V đều có mặt).

- Bị đơn: Chị Dương Thị H1 (tức Dương Thị Mậu H1), sinh năm 1978 và anh Tống Thế B, sinh năm 1977; địa chỉ: khu dân cư T, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Chị H1 có mặt, anh B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/01/2018 vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị H cho vợ chồng chị Dương Thị H1, anh Tống Thế B vay số tiền 500.000.000đ, hai bên viết

giấy biên nhận và không thỏa thuận lãi, thời hạn trả. Nhưng hàng tháng, chị H1, anh B trả số tiền lãi cho ông B, bà H là 5.000.000đồng. Đến ngày 23/8/2019 giữa chị H1 và bà H viết lại là giấy vay tiền, số tiền vay là 500.000.000đ và không có thỏa thuận về lãi, chị H1 hẹn 1 tháng sau ngày 23/9/2019 thanh toán số tiền vay nhưng sau đó không thanh toán trả tiền gốc và cả tiền lãi từ ngày 23/8/2019 đến nay. Nay ông B, bà H yêu cầu chị H1, anh B trả số tiền gốc 500.000.000đồng và số tiền lãi suất là 10%/năm tạm tính đến ngày 08/5/2020 là 35.500.000đồng.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Dương Thị H1 (tức Dương Thị Mậu H1) trình bày:

Anh Tống Thế B do đi làm ăn không có mặt tại gia đình, chị vẫn thường xuyên liên lạc với anh B, do công việc bận anh không về được. Chị nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh B, chị đã thông báo cho anh B được biết.

Ngày 20/01/2018 vợ chồng chị có vay của vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị H số tiền 500.000.000đ, hai bên viết giấy biên nhận và không thỏa thuận lãi, thời hạn trả. Hàng tháng, vợ chồng chị trả số tiền lãi cho ông B, bà H là 5.000.000đồng. Đến ngày 23/8/2019 giữa chị H1 và bà H có viết lại giấy vay tiền, số tiền là 500.000.000đ thay thế cho giấy biên nhận ngày 20/01/2018 và không có thỏa thuận về lãi, hẹn 1 tháng sau trả tiền nhưng do điều kiện làm ăn khó khăn chị không trả được số tiền gốc cho ông B, bà H và chưa trả tiền lãi hàng tháng. Nay ông B, bà H khởi kiện chị H1 nhất trí trả số tiền gốc là 500.000.000đ, còn số tiền nợ lãi giải quyết theo pháp luật.

Bị đơn anh Tống Thế B vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án triệu tập anh B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh B tham gia phiên tòa vào ngày 20/6/2020 và ngày 08/7/2020 nhưng anh B vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của chị H1 và tài liệu Tòa án thu thập.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị H xác định số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng và xác định viết lại giấy vay tiền ngày 23/8/2019 thay thế cho giấy biên nhận ngày 20/01/2018 chỉ cho vay số tiền là 500.000.000đ, ngoài ra không có số tiền nào khác. Yêu cầu chị H1, anh B trả số tiền nợ gốc là 500.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, không nhất trí ý kiến của chị H1 về miễn giảm khoản tiền lãi.

Bị đơn chị Dương Thị H1 (tức Dương Thị Mậu H1) xác định trong các giấy vay tiền đúng chữ chị viết, ký, họ tên của chị và anh B có ký. Tên Dương Thị H1 và Dương Thị Mậu H1 là một người. Chị xác định số tiền vay của ông B, bà H là tiền vay chi tiêu chung của vợ chồng và xác định số tiền gốc vay là 500.000.000đ,

đối với khoản tiền lãi đề nghị ông B, bà H miễn giảm cho vợ chồng chị do điều kiện kinh tế khó khăn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cơ bản thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chị Dương Thị H1 (tức Dương Thị Mậu H1), anh Tổng Thế B trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị H số tiền nợ gốc và nợ lãi là 543.750.000đồng.

Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí; Bị đơn chị Dương Thị H1 (tức Dương Thị Mậu H1), anh Tổng Thế B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Tổng Thế B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Tổng Thế B theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc bổ sung yêu cầu khởi kiện: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 23-12-2019. Tại phiên hòa giải ngày 8/5/2020 nguyên đơn đề nghị bị đơn trả số tiền lãi tính đến ngày hòa giải và tiếp tục trả lãi 10%/năm tổng số tiền là 535.500.000đ. Ngày 18/5/2020, Tòa án nhận được đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu tiếp tục trả số tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tiếp tục trả số tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy, việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Văn B không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1 Đối với số tiền gốc: Theo giấy vay tiền ngày 23/8/2019, chị Dương Thị H1, anh Tổng Thế B vay của bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Văn B số tiền là 500.000.000đ và hẹn 01 tháng ngày 23/9/2019 thanh toán tiền trên cơ sở thay thế giấy biên nhận ngày 20/01/2018, chị H1 thừa nhận vợ chồng chị vay số tiền trên của bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Văn B vào mục đích sử dụng chung nên chị H1, anh B phải có nghĩa vụ chung trả nợ, đây là sự kiện không phải chứng minh. Tại giấy vay tiền ngày 23/8/2019 ghi thời hạn trả nợ. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn. Đến hạn trả nợ anh B, chị H1 không trả. Ông B, bà H khởi kiện yêu cầu chị H1, anh B trả số tiền nợ gốc là 500.000.000đ là có căn cứ.

3.2 Đối với số tiền lãi: Theo giấy vay tiền ngày 20/01/2018, giấy vay tiền ngày 23/8/2019, hai bên không thỏa thuận về lãi, nhưng thực tế chị H1, anh B đã trả số tiền lãi cho ông B, bà H là 5.000.000đ/tháng từ tháng 2/2018 đến tháng 8/2019 trên số tiền gốc là 500.000.000đồng. Như vậy, mức lãi suất hàng tháng là 1%/tháng = 12%/năm. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi mwses lãi suất là 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nên cần chấp nhận yêu cầu về số tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm của khoản tiền vay 500.000.000đ của nguyên đơn đến ngày xét xử sơ thẩm 08/7/2020 là 10 tháng 15 ngày x 10%/năm x 500.000.000đ = 43.750.000đồng.

[4] Về án phí: Theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại ông B, bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh B, chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị H.

Buộc bị đơn chị Dương Thị H1 (tức Dương Thị Mậu H1), anh Tổng Thế B phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị H số tiền 543.750.000đ

(Năm trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó: số tiền nợ gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), số tiền nợ lãi là 43.750.000đ (Bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án khoản tiền phải trả mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn chị Dương Thị H1 (tức Dương Thị Mậu H1), anh Tổng Thế B phải chịu 25.750.000đồng án phí dân sự sơ thẩm; Trả lại nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị H 12.340.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0000972 ngày 27/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị H và bị đơn chị Dương Thị H1 (tức Dương Thị Mậu H1) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Tổng Thế B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu